

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH DINH DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: Năm 2019 - 2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 20

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH DINH DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: Năm 2019 - 2023)

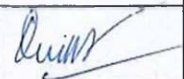
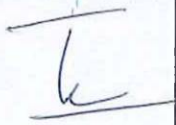
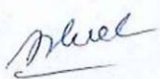
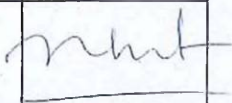
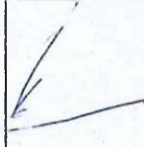
Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2024

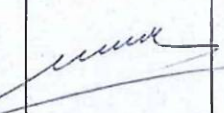
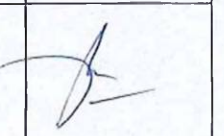
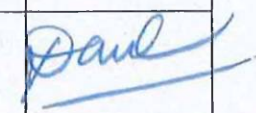
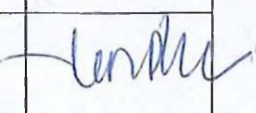
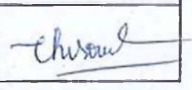
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DINH DƯỠNG
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Thanh Hiệp	PGS. TS. BS	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Phan Nguyễn Thanh Vân	TS. BS	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Tăng Kim Hồng	PGS. TS. BS	Phó Trưởng khoa Y tế công cộng (phụ trách quản lý, điều hành)	Phó Chủ tịch	
4	Ông Phùng Quang Vinh	ThS. BS	Phó Trưởng khoa Y tế công cộng	Thư ký	
5	Ông Hồ Nguyễn Anh Tuấn	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	ThS	Phụ trách quản lý, điều hành Phòng Bảo đảm chất lượng Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Phùng Đức Nhật	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
8	Ông Ngô Minh Vinh	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu khoa học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
9	Ông Nguyễn Văn Kiên	ThS.	Phó Trưởng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
10	Ông Huỳnh Quang Huy	PGS. TS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Thực hành Lâm sàng	Thành viên	

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
11	Ông Đặng Chí Vũ Luân	TS.BS	Phó Trường Thư viện (phụ trách quản lý điều hành)	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Dũng Tuấn	ThS. BS	Trưởng Phòng Khảo thí Thành viên Hội đồng trường	Thành viên	
13	Ông Lưu Xuân Thu	BSCCKII	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Thành Thuận	CN	Phó Trường Phòng Tài chính kế toán (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
15	Ông Phạm Công Danh	ThS. BS	Phó Trường Phòng Hành chính Quản trị	Thành viên	
16	Bà Đào Thị Yến Phi	TS. BS	Giảng viên Bộ môn Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	Thành viên	
17	Bà Trần Hỷ Trúc		Đại diện Sinh viên	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người./.)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	1
Danh mục chữ viết tắt	5
Danh mục Bảng	7
Danh mục Hình	11
Phần I. KHÁI QUÁT	12
1. Đặt vấn đề	12
2. Tổng quan chung	17
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	29
Tiêu chuẩn 1	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 1.1	29
Tiêu chí 1.2	39
Tiêu chí 1.3	55
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	62
Tiêu chuẩn 2	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 2.1	63
Tiêu chí 2.2	72
Tiêu chí 2.3	83
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	85
Tiêu chuẩn 3	85
Mở đầu	85
Tiêu chí 3.1	86
Tiêu chí 3.2	89
Tiêu chí 3.3	93
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	95
Tiêu chuẩn 4	96
Mở đầu	96

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 4.1	96
Tiêu chí 4.2	99
Tiêu chí 4.3	106
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	110
Tiêu chuẩn 5	110
Mở đầu	110
Tiêu chí 5.1	111
Tiêu chí 5.2	115
Tiêu chí 5.3	119
Tiêu chí 5.4	123
Tiêu chí 5.5	126
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	127
Tiêu chuẩn 6	128
Mở đầu	128
Tiêu chí 6.1	128
Tiêu chí 6.2	130
Tiêu chí 6.3	132
Tiêu chí 6.4	137
Tiêu chí 6.5	140
Tiêu chí 6.6	144
Tiêu chí 6.7	149
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	151
Tiêu chuẩn 7	151
Mở đầu	151
Tiêu chí 7.1	152
Tiêu chí 7.2	156
Tiêu chí 7.3	161
Tiêu chí 7.4	163
Tiêu chí 7.5	167

NỘI DUNG	TRANG
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	169
Tiêu chuẩn 8	169
Mở đầu	169
Tiêu chí 8.1	170
Tiêu chí 8.2	173
Tiêu chí 8.3	176
Tiêu chí 8.4	178
Tiêu chí 8.5	182
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	184
Tiêu chuẩn 9	184
Mở đầu	184
Tiêu chí 9.1	185
Tiêu chí 9.2	187
Tiêu chí 9.3	190
Tiêu chí 9.4	192
Tiêu chí 9.5	194
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	196
Tiêu chuẩn 10	197
Mở đầu	197
Tiêu chí 10.1	197
Tiêu chí 10.2	201
Tiêu chí 10.3	205
Tiêu chí 10.4	207
Tiêu chí 10.5	210
Tiêu chí 10.6	213
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	215
Tiêu chuẩn 11	216
Mở đầu	216
Tiêu chí 11.1	216

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 11.2	221
Tiêu chí 11.3	224
Tiêu chí 11.4	227
Tiêu chí 11.5	233
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	237
<i>PHẦN III. KẾT LUẬN</i>	239

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	NGHĨA
ATTP	An toàn thực phẩm
BCN	Ban Chủ Nhiệm
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
BYT	Bộ Y tế
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CECICS	(Center for Elaboration Competency and Innovation in Clinical Simulation) Trung tâm Kỹ năng và Sáng tạo Mô phỏng Lâm sàng
CEP	(Collaboration Educational Program) Chương trình giáo dục hợp tác
CKI	Chuyên khoa cấp I
CKII	Chuyên khoa cấp II
CME	(Continuing Medical Education) Đào tạo y khoa liên tục
CN	Cử nhân
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVČ	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐH	Chương trình đại học
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
DhD	Dinh Dưỡng
ĐHYK	Đại học Y khoa
ĐT	Đào tạo
ĐTLT	Đào tạo liên tục
ĐU	Đảng ủy
GCN	Giấy chứng nhận
GDDH	Giáo dục đại học
GS.TS.	Giáo sư Tiến sĩ
GV	Giảng viên

CHỮ VIẾT TẮT	NGHĨA
KHCN	Khoa học Công nghệ
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
MH	Học phần
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
P.HTQT	Phòng Hợp tác quốc tế
P.QLĐTĐH	Phòng Quản lý đào tạo Đại học
P.QLĐTSDH	Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học
P.TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
P.TCKT	Phòng Tài chính kế toán
PGS.TS.	Phó Giáo sư Tiến sĩ
PNT	Phạm Ngọc Thạch
PP	Phương pháp
QĐ	Quyết định
QG	Quốc gia
SV	NH
TC	Tín chỉ
TĐG	Tự đánh giá
THLS	Thực hành Lâm sàng
THPT	Trung học phổ thông
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
VC-NLĐ	Viên chức – Người lao động
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
YTCC	Y tế Công cộng

DANH MỤC BẢNG

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 1	Thống kê số lớp ĐTLT và số chứng chỉ, chứng nhận đã cấp 2019 - 2023	19
Bảng 2	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp CEP	20
Bảng 3	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp AFDP	21
Bảng 4	Các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	25
Bảng 5	Các Chương trình đào tạo thuộc Khoa Y tế Công cộng quản lý	26
Bảng 6	Chương trình đào tạo Sau đại học thuộc Khoa Y tế Công cộng quản lý	27
Bảng 7	Thống kê các lớp đào tạo y khoa liên tục (CME) thuộc Khoa Y tế Công cộng	27
Bảng 1.1.1	Bảng đối sánh mục tiêu của CTĐT với Sứ mạng - Tầm nhìn của trường qua từng giai đoạn.	32
Bảng 1.1.2	Bảng đối sánh mục tiêu của CTĐT qua các giai đoạn với mục tiêu GDĐH của Luật Giáo dục	35
Bảng 1.2.1	Mức độ CĐR đáp ứng được các yêu cầu chung và chuyên biệt	46
Bảng 1.3.1	Sự thay đổi hình thức và nội dung của CĐR ngành Dinh dưỡng	57
Bảng 2.1.1	Bảng so sánh cấu trúc chương trình đào tạo đại học ngành Dinh dưỡng giữa trường ĐHYK PNT với 02 trường Đại học trong nước và 01 trường nước ngoài đã có kiểm định CTĐT	64
Bảng 2.1.2	Bảng so sánh nội dung bản mô tả CTĐT đại học ngành Dinh dưỡng các năm 2018 – 2020 – 2023	70
Bảng 2.2.1	Bảng mô tả các thay đổi chính trong một số ĐCCT các học phần sau khi rà soát cập nhật định kỳ từ 2018 đến 2023	74
Bảng 3.1.1	Cấu trúc CTDH ngành Dinh dưỡng	86
Bảng 3.1.2	Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)	87
Bảng 3.2.1	CTDH qua các mốc thời gian 2018 – 2020 – 2021 – 2023	90

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 3.3.1	Cấu trúc CTDH ngành Dinh dưỡng (2)	93
Bảng 4.2.1	Phương pháp dạy học theo CDR qua các năm	101
Bảng 4.2.2	Quan hệ giữa phương pháp dạy và học tập với CDR	103
Bảng 5.1.1	Quan hệ giữa phương pháp dạy và học tập với CDR	112
Bảng 5.2.1	Quy chế đào tạo áp dụng cho đối tượng cử nhân dinh dưỡng tại trường ĐHYK PNT	116
Bảng 5.3.1	Phân tích sơ nét thể hiện tính đa dạng của phương pháp lượng giá trong một số tín chỉ/học phần qua các bài kiểm tra thường xuyên	120
Bảng 6.1.1	Số lượng GV khoa YTCC giai đoạn 2018 -2023	129
Bảng 6.1.2	Danh sách cơ sở thực hành – GV bộ môn tham gia hướng dẫn THLS	129
Bảng 6.5.1	Số lượng giảng viên báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước giai đoạn 2019 - 2023	142
Bảng 6.5.2	Số lượng bài báo của các GV cơ hữu được công bố giai đoạn 2019 - 2023	143
Bảng 6.6.1	Thống kê kết quả đánh giá VC- NLĐ qua các năm	145
Bảng 6.6.2	Kết quả thi đua khen thưởng đối với cá nhân các năm học	147
Bảng 7.1.1	Thông tin về nhân sự Văn phòng Khoa và các Ban thuộc Văn phòng Khoa	153
Bảng 7.1.2	Quá trình đào tạo, phát triển giảng viên	154
Bảng 7.1.3	Danh sách thông tin cố vấn học tập các lớp thuộc niên khóa đang được đào tạo của bộ môn Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	155
Bảng 7.2.1	Nhu cầu xét tuyển viên chức của Trường từ năm 2019 - 2023	157
Bảng 7.2.2	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển	157
Bảng 7.4.1	Bảng đối sánh số lượng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Khoa YTCC từ năm 2019-nay	165

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 8.1.1	Bảng tóm tắt chính sách tuyển sinh ngành Dinh dưỡng giai đoạn 2019-2023	172
Bảng 8.2.1	Bảng thống kê kết quả tuyển sinh ngành Dinh dưỡng giai đoạn 2019-2023	174
Bảng 8.2.2	Bảng đối sánh chỉ tiêu và điểm trúng tuyển ngành Dinh dưỡng giai đoạn 2019-2023 của một số trường cùng khối ngành sức khỏe	175
Bảng 10.1.1	Tổng hợp góp ý từ các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT Đại học ngành Dinh dưỡng tháng 7 năm 2023	198
Bảng 10.5.1	Thống kê dịch vụ thư viện	211
Bảng 11.1.1	Số lượng NH từ năm học 2019 - 2023	218
Bảng 11.1.2	Số lượng và tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Dinh dưỡng của 02 khoá gần nhất (Trường tuyển sinh từ 2018)	218
Bảng 11.1.3	Số lượng và tỉ lệ SV thôi học ngành Dinh dưỡng của 05 khoá gần nhất	219
Bảng 11.1.4	Đối sánh số liệu người học tốt nghiệp, thôi học ngành Dinh dưỡng với ngành Y tế công cộng, Điều Dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	215
Bảng 11.2.1	Thời gian tốt nghiệp của SV cử nhân Dinh dưỡng theo hệ thống tín chỉ giai đoạn 2018-2023	217
Bảng 11.2.2	Đối sánh thời gian người học tốt nghiệp ngành Dinh dưỡng với ngành Y tế công cộng, Điều Dưỡng tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	218
Bảng 11.3.1	Tình trạng việc làm của NH ngành Dinh dưỡng tốt nghiệp	221
Bảng 11.3.2	Đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành Dinh dưỡng với ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng tại Trường năm 2022	221

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 11.3.3	Đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành Dinh dưỡng với ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng tại Trường năm 2023	221
Bảng 11.4.1	Số lượng NH thực hiện khoá luận tốt nghiệp từng khóa của Khoa YTCC	225
Bảng 11.4.2	Số lượng NH tham gia các đề tài NCKH chuyên ngành dinh dưỡng của Giảng viên Bộ môn qua các năm	226
Bảng 11.4.3	Thông tin hoạt động NCKH của NH từ năm 2019 – 2023	226
Bảng 11.5.1	Bảng khảo sát NH ngành Dinh dưỡng tốt nghiệp	230
Bảng 11.5.2	Bảng đối sánh phản hồi của NH vừa tốt nghiệp về chương trình đào tạo của ngành Dinh dưỡng và Y tế công cộng	231
Bảng 11.5.3	Đối sánh kết quả phản hồi của NH vừa tốt nghiệp về đội ngũ giảng viên của ngành Dinh dưỡng và Y tế công cộng	231
Bảng 11.5.4	Đối sánh phản hồi của NH vừa tốt nghiệp về kết quả đào tạo của ngành Dinh dưỡng và Y tế công cộng	231

DANH MỤC HÌNH

STT/MÃ	TÊN HÌNH	TRANG
Hình 8.3.1	Hình chụp ứng dụng My PNTU	177
Hình 8.4.1	SV Cử nhân Dinh dưỡng năm 4 tham quan và thực tập tại Nhà máy Acecook Việt Nam	180
Hình 8.4.2	SV Cử nhân Dinh dưỡng năm 4 tham quan và thực tập tại Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (VISSAN)	180